

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 370/BVTH ngày 18/5/2023 của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở "Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 141 /TTr-STNMT ngày 30/ 5/ 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh, địa chỉ tại số 17 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 17 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Số 6000429907 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk cấp, đăng ký lần đầu ngày

05/02/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/08/2017.

1.4. Mã số thuế: 6000429907

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 20.889 m²

- Công suất: 480 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND Tp Buôn Ma Thuột;
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh;
- Lưu: VT, NNMT (H. 07B)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:****- Nguồn phát sinh: Bệnh viện có 3 nguồn thải:**

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt;
- + Nguồn số 02: Nước thải y tế;
- + Nguồn số 03: Nước thải từ căng tin.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố trên vỉa hè đường Cao Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối tại hố ga (ký hiệu HG2/1B) của tuyến ống thu gom thoát nước thải nằm trên vỉa hè đường Cao Thắng (phía cổng sau của Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3'): X = 453144; Y = 1404507.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $350 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $14,58 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B, K = 1 (theo cam kết của Chủ cơ sở), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
3	COD	mg/l	100		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	4,0		

6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	Điều 97 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP	Điều 97 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
10	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	5000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	Shigelle	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt: được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ (gồm 04 bể), sau đó chảy về bể gom và được bơm về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải y tế: chảy trực tiếp về bể gom, sau đó được bơm về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải từ căng tin: được xử lý tách mỡ tại bể tách mỡ, sau đó bơm trực tiếp về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh từ hoạt động bệnh viện (trong đó: nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại → bể gom; nước thải y tế chảy về bể gom; nước thải từ khu vực nhà ăn đã được tách dầu mỡ) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (04 bồn Anoxic) → Cụm bể sinh học hiếu khí (01 bể MBBR, 06 bể Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng → Ống thoát nước thải → Hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố (được UBND thành phố Buon Ma Thuột thống nhất thỏa thuận vị trí đầu nối tại Công văn số 1674/UBND-QLĐT ngày 11/5/2023).

- Thông số kỹ thuật:

(BTCT: bê tông cốt thép)

TT	Hạng mục	Kích thước (dài x rộng x cao) m	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể tự hoại (04 bể)	6 x 6 x 2,5	90	BTCT
2	Bể gom (01 bể)	6 x 3 x 2	36	BTCT
3	Bể điều hòa (01 bể)	5,6 x 3,6 x 4,2	84,67	BTCT
4	Bể thiếu khí (04 bồn Anoxic)	Đường kính 2,8m; chiều cao 3,3m	20,4	Inox hợp khối
5	Cụm bể sinh học hiếu khí, gồm:			
	01 bể MBBR	5,74 x 2,7 x 3,4	52,7	BTCT
	01 bể Aerotank	2,7 x 0,82 x 3,4	7,52	
	02 bể Aerotank	5,4 x 1,6 x 3,4	29,37	
	01 bể Aerotank	3,2 x 2,8 x 3,4	30,46	
	01 bể Aerotank	3,4 x 2,8 x 3,4	32,36	
	01 bể Aerotank	9,1 x 4,8 x 4,5	196,56	
6	Bể lắng sinh học (01 bể)	4,8 x 4,8 x 4,5	103,68	BTCT
7	Bể trung gian (01 bể)	3,6 x 1 x 4,5	16,2	BTCT
8	Cột lọc áp lực	Đường kính 1,2m; chiều cao 2m	2,26	Composite
9	Bể khử trùng (01 bể)	5,6 x 1,8 x 1,5	15,12	BTCT
10	Bể chứa bùn (01 bể)	3,4 x 3,4 x 2	11,56	BTCT

- Công suất thiết kế: 600 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, Javel.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các cửa máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Phân công nhân viên có chuyên môn vận hành, kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện;

- Lập Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại cơ sở theo quy định.

- Định kỳ quan trắc nước thải để theo dõi, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 919/STNMT-BVMT ngày 15/4/2021 của Dự án "Cải tạo, đầu tư bổ sung công trình xử lý chất thải tại Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh").

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Buôn Ma Thuột.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

01 nguồn khí thải: khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải rắn thải y tế.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3'): X= 453165; Y= 1404510.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.296 m³/h.

2.2.1. *Phương thức xả khí thải:* Xả gián đoạn (thời lượng 01 giờ/lần, 01 lần/tháng).

2.2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (Cột B), cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	⁰ C	≤ 180	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	115		
3	Axit Clohydric (HCl)	mg/Nm ³	50		
4	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	200		
5	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	300		
6	Nitơ oxit (NO _x , tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	300		
7	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,5		
8	Chì và hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,2		
9	Cadmi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd	mg/Nm ³	0,16		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc khí thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của thiết bị xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống xử lý khí thải là thiết bị đồng bộ kèm theo lò đốt chất thải rắn y tế ST-30, công suất 30 kg/giờ.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Rác thải y tế nguy hại → Buồng đốt sơ cấp ($650 - 800^{\circ}\text{C}$) → Buồng đốt thứ cấp ($1.050 - 1.300^{\circ}\text{C}$) → Thiết bị xử lý khí thải (cyclon tách bụi và tháp xử lý ướt) → Ống khói cao 20m.

- Nhiên liệu sử dụng: dầu DO (12 lít/giờ); điện (7 kW/h).

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng lò đốt chất thải y tế; đảm bảo vận hành lò đốt theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Phân công nhân viên có chuyên môn vận hành, kiểm tra, giám sát lò đốt chất thải rắn y tế của bệnh viện;

- Lập Sổ nhật ký vận hành hệ lò đốt để theo dõi, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại cơ sở theo quy định.

- Định kỳ quan trắc khí thải để theo dõi, đánh giá hiệu quả xử lý của lò đốt chất thải rắn y tế.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 1330/STNMT-BVMT ngày 10/12/2013 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Đầu tư mở rộng quy mô giường bệnh - cải tạo khối nhà cũ Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh").

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống lò đốt chất thải rắn y tế của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành Lò đốt chất thải rắn y tế.

3.4. Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Xi, tro từ lò đốt rác thải y tế	Rắn	12 01 05	300
2	Chất thải có chứa tác nhân lây nhiễm		13 01 01	59.700
2.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	13 01 01	1.200
2.2	Chất lây nhiễm không sắc nhọn	Rắn/lỏng		54.999,6
2.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	Rắn/lỏng		300
2.4	Chất thải giải phẫu	Rắn/lỏng		3.200,4
3	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	50,4
4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có thành phần thủy ngân	Rắn	13 03 02	15,6
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	9,6
6	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	20,4
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải	Rắn	16 01 13	1,2
8	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	15,6
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau thải, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	4,8
Tổng cộng:				60.117,6

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải không sử dụng tái chế:	
1.1	Rác thải từ quá trình sinh hoạt	570 – 615
1.2	Rác thải sau khi xử lý bằng lò hấp	160 - 170

1.3	Dầu mỡ tách từ nước thải căn tin	0,5 - 1
2	Rác thải sử dụng tái chế	30 - 35

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 5 - 15 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.
- Tại khu xử lý: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 120 - 240 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Nhà lưu chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm và chất thải nguy hại khác: Nhà xây cấp 4, có diện tích 24 m², sàn nhà và tường xung quanh được ốp gạch men.
- Nhà lưu chứa và xử lý chất thải y tế lây nhiễm: Nhà xây cấp 4, có diện tích 40 m², sàn nhà và tường xung quanh được ốp gạch men.

Tại khu lưu chứa tạm thời chất thải của cơ sở có bảng hướng dẫn phân loại cụ thể các loại chất thải nguy hại, phương án xử lý trong trường hợp khẩn cấp và nội quy khu vực lưu giữ chất thải tạm thời.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa có dung tích từ 5 – 15 lít có nắp đậy, có dán tên chất thải.
- Tại khu vực lưu giữ: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 120 - 240 lít có nắp đậy, có dán tên chất thải.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Nhà lưu chứa chất thải không sử dụng để tái chế: nhà cấp 4, diện tích 24 m², nền và tường xung quanh lát gạch men.
- Nhà lưu chứa chất thải sử dụng để tái chế: nhà tiền chế bằng khung thép, diện tích 120 m² nền xi măng, tường thung tôn, mái lợp tôn.

Tại khu lưu chứa tạm thời chất thải của bệnh viện có bảng hướng dẫn phân loại chất thải cụ thể theo đúng quy định.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

3. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải nguy hại:

3.1. Lò hấp chất thải y tế (mã hiệu STERILWAVE 250 – Pháp)

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý: chất thải y tế lây nhiễm
- Khối lượng chất thải tự xử lý: 160 – 170 kg/ngày.
- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý:

Chất thải y tế lây nhiễm → Nạp vào khoang xử lý → Cắt nhỏ chất thải → Gia nhiệt bằng năng lượng vi sóng → Duy trì nhiệt độ 100°C → Xả chất thải ra thùng chứa. Chất thải sau xử lý phải đáp ứng yêu cầu về hiệu quả xử lý theo QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

- Công suất thiết kế: công suất trung bình 15 - 20 kg/mẻ; công suất tối đa 25 – 30 kg/mẻ.

3.2. Lò đốt chất thải y tế

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý: Chỉ xử lý những chất thải không thể xử lý được bằng lò hấp: kim loại có kích thước lớn như kéo, chân tay giả titan, dụng cụ phẫu thuật, vật sắc nhọn.

- Khối lượng chất thải tự xử lý: Xử lý định kỳ 1 lần/1 tháng; khối lượng đốt 1 lần ≤ 30 kg/mẻ/giờ/ngày. Trường hợp lò hấp gặp sự cố, chất thải y tế lây nhiễm tạm thời được xử lý bằng lò đốt trong thời gian khắc phục.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý, tái chế, tái sử dụng: được nêu tại Phần B Phụ lục 2.

- Công suất thiết kế: 30 kg/giờ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư 20/2021/TT-BYT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại không tự xử lý tại cơ sở cho đơn vị có chức năng theo quy định.
2. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn;
7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.